３２  
V た　＋ほうが　いいです

V ない＋ほうが　いいです

子供の　前に　悪い言葉　言わない　ほうが　いいです: Ko nên nói đừng điều xấu trước mặt trẻ em

言葉：ことば：lời nói

気をつけます：きをつけます：chú ý

気をつけた　ほうが　いいですよ: nên chú ý

私の　言う　とおりに　した　ほうが　いいですよ

Hãy làm theo những gì tôi nói

ちゃんと　勉強した　ほうが　いい。しないと　成績が　悪くなってまいますよ

Hãy học hành nghiêm chỉnh đi. Nếu không thì thành tích sẽ trở nên xấu đi

成績：せいせき：thành tích

彼の　ことを　忘れた　ほうがいい

彼女に　謝った　ほうが　いいと　思う：Tôi nghĩ cậu nên xin lỗi cô ấy

謝った：あやまった

やっと　いい　を　見つけたから、めない　ほうが　いいです

Bởi vì đã tìm được công việc tốt nên ko nên nghỉ việc

他人の物を　勝手に　使わない　ほうが　いいです

彼は　もうすぐ　来る　でしょう

Có lẽ anh ấy sắp đến rồi

よく　晴れて　いますから、今夜は　きっと　星が　きれいでしょう

山田さんは　このニュースを　たぶん　知らない　でしょう

Yamada thì có lẽ không biết tin này

昨日は A チームが 勝った でしょう

Hôm qua team A đã thắng nhỉ

料理は　あと10分　ぐらいで、できる　でしょう

V 　　　+ 　かもしれません　＝　かもね　＝　かもよ　＝　かも

Aい

Aな

N~~だ~~

Khả năng ít xảy ra

こんなに　道が　込んでいますから、間に　合わない　かもしれません

Vì đường đông đúc như thế này, nên có thể ko kịp đâu

この傘、だれかの　忘れ物ですか。そうですね。お客さんの　忘れ物　かもしれません

寒いですね lạnh quá

ええ、夜は　雪が　降るかもしれません

Tối nay sẽ có tuyết rơi

もしかしたら、会社を　辞める　かもしれません

Có thể nghỉ việc tại công ty

今日は、午後から　雨が　降る　かもしれません

ずっと　暑い日が　続いていますね

そうですね、しばらく　暑い日が　続く　かもしれません

駅まで　30分で　行けます

３万円で　ビデオが　買えます